TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trương Quý N.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Xuyến;

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Hồng Bảo N - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2025/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX - ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/ QĐ-HPT ngày 29/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1998;

HKTT: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Xóm x, thôn P, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Trương Quý N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị D có đơn xin xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2025, bản tự khai đề ngày 28 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 17 tháng 7 năm 2017. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi chị mang thai, anh chị có quan điểm sống khác nhau, từ đó không còn chung chí hướng. Bản thân anh N thường xuyên tụ tập chơi bời, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, chăm nom con cái. Mặc dù hai bên gia đình anh chị đã khuyên ngăn, hoà giải nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị D và anh N đã sống ly thân từ khoảng giữa tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Khi ly thân, chị D bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là: Trương Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Trương Hoàng M, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2020. Hiện tại hai con đang sống cùng với chị, do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nhà bố mẹ đẻ của chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh N phải góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị số tiền 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng) cho hai con đến khi hai con đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm nghề may tại nhà bố mẹ đẻ chị, có thu nhập 06 triệu đồng/tháng, bố mẹ chị hỗ trợ ba mẹ con chị về chỗ ở và ông bà mua sữa, thức ăn cho các cháu nên các con chị được chăm sóc chu đáo.

Về quan hệ tài sản: Chị D và anh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của vợ chồng anh chị không có nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng đề ngày 24 tháng 4 năm 2025, bà Nguyễn Thị L là mẹ của anh Trương Quý N trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng giống như chị D đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh N và chị D chung sống hạnh phúc. Sau đó đến khoảng 3 năm thì anh chị nảy sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, không còn chung quan điểm sống và anh chị đã sống ly thân từ khoảng giữa tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Chị D đã chuyển về nhà mẹ đẻ của chị ở thôn Nghĩa Phương, xã Đông Hoà, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sinh sống cùng hai con. Bản thân anh N làm nghề lái xe, nay đây mai đó nên ít khi có mặt ở nhà, thỉnh thoảng anh về nhà khoảng 02 tháng/lần. Dịp Tết nguyên đán năm 2025 mặc dù vợ chồng không còn chung sống nhưng chị D vẫn đưa hai con về nhà bà chơi Tết, sau đó ba mẹ con chị lại lên nhà ông bà ngoại các cháu sinh sống. Bà xác nhận chị D có nghề làm may nên có thu nhập và có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị D về việc chăm sóc các con của anh chị. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh N không nói rõ quan điểm của anh N với bà nhưng bà biết anh ấy tùy chị N giải quyết vì anh ấy đi làm xa không về ngay được. Bà Liên đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng anh chị, để anh chị tìm cách cải thiện mâu thuẫn cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về quan hệ con chung: Chị và anh N có 02 con chung như chị D trình bày. Bà đề nghị Toà án giải quyết 02 con chung của anh chị theo nguyện vọng của chị

D, anh N và căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Về mức lương hiện nay của anh N bà không nắm rõ vì anh N không nói cho bà biết, nhưng anh N có nghề lái xe và có thu nhập.

Về quan hệ tài sản: Anh chị không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Nợ chung của vợ chồng anh chị không có nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các văn bản của Tòa án gửi cho anh N thì bà là người nhận vì anh N đang cư trú tại gia đình bà. Sau mỗi lần nhận được văn bản gửi cho anh N, bà đều thông báo lại ngay cho anh N biết. Bà Liên đề nghị Tòa án tiếp tục gửi văn bản theo đường bưu điện vì anh N không thể có mặt để nhận theo thông báo của Tòa án được. Bà cam kết sẽ giao lại cho anh N ngay những văn bản Tòa án gửi cho anh N.

3. Biên bản xác minh ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V thể hiện:

Chị D và anh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào 17 tháng 7 năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị có chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh N tại thôn S, xã X đến nay, anh chị có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị UBND xã X cũng như cơ sở thôn không nắm rõ. Về phía anh N, bản thân anh N là công dân sinh sống tại địa phương và hiện tại chung chống cùng gia đình mẹ đẻ, luôn chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, không vi phạm pháp luật. Về công việc cụ thể của vợ chồng anh N chính quyền địa phương và cơ sở thôn cũng không nắm rõ. Bản thân chị D khi sinh sống tại địa phương cũng không vi phạm pháp luật, tuân thủ tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nay chị D xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh N và chị D có 02 con chung là: Trương Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Trương Hoàng M, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2020. Hiện tại, hai cháu đang sinh sống cùng chị D ở nơi khác mà không có mặt tại địa phương. Ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Vì vậy địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật.

Về tài sản của anh chị, địa phương cung cấp: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung đối với tổ chức xã hội nào tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị: Xử

cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trương Quý N; Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là: Trương Nguyễn Ngọc A và Trương Hoàng M. Anh N phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 con theo quy định pháp luật. Về tài sản: Do chị D và anh N không có tài sản chung, chị D cũng không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trương Quý N có đăng ký thường trú tại thôn S, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *" Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Anh Trương Quý N được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 277, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Quý N đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 17 tháng 7 năm 2017 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm, không còn chung chí hướng dẫn đến nảy sinh mâu thuẫn và từ đó anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi từ đầu năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải cho anh chị vì chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống. Anh N đã được Tòa án báo gọi và gửi văn bản nhiều lần nhưng đều không có mặt để trình bày quan điểm của mình chứng tỏ cũng không thiết tha với cuộc hôn nhân này. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị D và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trương Quý N.

[2.2] Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung, hiện tại hai con đang sống cùng với chị D, do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nhà bố mẹ đẻ của chị. Chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung 3.000.000 đồng/tháng cho 02 con chung. Xét điều kiện nuôi con của chị D: Hiện chị đang làm may tại gia đình, có thu nhập, có bố mẹ đẻ hỗ trợ chị về mặt kinh tế cũng như việc chăm sóc hai con. Anh N hiện công việc lái xe nay đây mai đó ít khi có mặt ở nhà nên không thể trực tiếp nuôi con. Anh

N làm nghề lái xe và có thu nhập. Anh chị không tự thỏa thuận việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Chị D đã được Tòa án giải thích về mức cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật hiện nay: Mức cấp dưỡng nuôi con không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con (Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, và theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP thì mức cấp dưỡng nuôi con là 2.205.000 đồng/01 con/01 tháng), trừ trường hợp người trực tiếp nuôi con tự nguyện không yêu cầu và họ có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con; nhưng chị D vẫn giữ quan điểm yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng/02 con, kể từ thời điểm ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị D, mặt khác chị D vẫn đang nuôi 02 con từ khi vợ chồng ly thân đến nay, có khả năng và điều kiện nuôi con. Vì vậy cần giao 02 con chung của anh chị cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ; do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con, cần buộc anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

[**2.3**] **Về tài sản**: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu, anh Trương Quý N không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Việc giải quyết quan hệ tài sản sau ly hôn sẽ đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

[**2.4**] **Về án phí**: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trương Quý N.

2. **Về quan hệ con chung:** Xử giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là: Trương Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018

và Trương Hoàng M, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2020. Anh Trương Quý N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị D số tiền 3.000.000 đồng(Ba triệu đồng)/tháng/02 con, kể từ tháng 07 năm 2025 cho đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần.

Anh Trương Quý N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Anh Trương Quý N và chị Nguyễn Thị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

3.Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001900 ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí. Anh Trương Quý N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Quý N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.